

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 13/09/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28207405745	Nguyễn Hoàng Thu	An	21/08/2004	Quảng Ngãi	32TSC5	9.3	7.5	Đạt	
2	28212300412	Nguyễn Ngọc	An	29/10/2004	Gia Lai	31TBN12	6.3	3.3	Không Đạt	
3	27215450132	Phạm Việt	An	28/07/1995	Quảng Trị	32TYC5	10.0	9.5	Đạt	
4	28217306208	Nguyễn Việt	Anh	07/03/2004	Bắc Giang	32TSC4	8.0	8.3	Đạt	
5	27205336111	Trần Bùi Ngọc	Anh	27/08/2003	Thái Bình	31CHT3	6.7	5.3	Đạt	
6	28202700987	Võ Huỳnh Tú	Anh	20/04/2004	Thừa Thiên H	32TYC5	9.7	10.0	Đạt	
7	30206754886	Võ Thị Trâm	Anh	24/06/2006	Quảng Trị	32THT4	6.3	6.5	Đạt	
8	28207352951	Bùi Nữ Hoàng	Bách	23/09/2004	Quảng Ngãi	32TYC5	9.0	8.0	Đạt	
9	28214306826	Lê Quốc	Bảo	02/05/2004	Đà Nẵng	32TBN3	7.3	4.0	Không Đạt	
10	28215103067	Trương Nguyễn Bảo	Châu	14/12/2004	Quảng Ngãi	32TYC5	9.3	5.0	Đạt	
11	30206554487	Nguyễn Thị Linh	Chi	24/10/2006	Nghệ An	32TSC4	10.0	7.0	Đạt	
12	28217402846	Võ Đình	Chương	10/03/2004	Bình Định	32TYC5	10.0	7.0	Đạt	
13	28211102499	Nguyễn Tấn Thành	Đạt	24/12/2004	Quảng Ngãi	32TSC4	6.3	7.8	Đạt	
14	28206527480	Phan Thị Thanh	Dung	22/02/2004	Đà Nẵng	32TSC4	4.7	3.0	Không Đạt	
15	29206541549	Nguyễn Thị Ánh	Dương	21/06/2005	Quảng Nam	32TSC3	8.7	5.0	Đạt	
16	24217209285	Trương Văn	Duy	30/10/2000	Đà Nẵng	30THT15	6.0	6.0	Đạt	
17	28200202811	Cao Thị	Duyên	23/04/2004	Gia Lai	32TYC5	8.7	8.5	Đạt	
18	28208001434	Nguyễn Trần Hương	Giang	08/01/2004	Quảng Trị	32CYC1	8.7	5.0	Đạt	
19	29204759028	Lê Trần Cẩm	Hà	16/04/2005	Quảng Ngãi	32TYC2	8.7	5.8	Đạt	
20	28202752953	Nguyễn Thị Bích	Hà	02/04/2004	Quảng Nam	32TYC5	9.7	5.8	Đạt	
21	28214305381	Lê Quang	Hải	25/05/2004	Quảng Trị	31TBN19	7.0	3.3	Không Đạt	
22	28204606195	Đặng Ngọc Gia	Hân	23/06/2004	Daklak	31TBN14	7.3	4.0	Không Đạt	
23	28206900023	Tạ Thị Vi	Hân	08/02/2004	Quảng Nam	32TSC4	7.7	3.8	Không Đạt	
24	30212764114	Trần Nguyễn Hoàng	Hiệp	30/10/2006	Đà Nẵng	32TYC1	7.0	5.0	Đạt	
25	28207452510	Nguyễn Thị Thu	Hồng	10/07/2004	Bà Rịa	32TYC5	9.7	10.0	Đạt	
26	28212738111	Ngô Xuân	Huy	31/05/2004	Gia Lai	32TYC5	5.0	7.5	Đạt	
27	28207403433	Nguyễn Thu	Huyền	05/08/2004	Ninh Thuận	32TYC5	9.3	8.5	Đạt	
28	28217452557	Nguyễn Bảo	Khang	23/03/2004	Lâm Đồng	32TYC5	10.0	9.5	Đạt	
29	29206540071	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	28/10/2005	Quảng Trị	32TSC4	6.0	5.0	Đạt	
30	28208205428	Văn Thị	Kiều	02/09/2004	Thừa Thiên H	32TYC5	9.7	9.3	Đạt	
31	28202703761	Lê Trịnh Trúc	Linh	14/01/2004	Quảng Nam	32TYC5	9.3	9.5	Đạt	
32	28206546974	Nguyễn Thị Thanh	Linh	26/10/2004	Quảng Nam	32TSC4	6.7	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28207451008	Nguyễn Trúc	Linh	02/01/2004	Lâm Đồng	32TYC5	8.7	6.3	Đạt	
34	29203538259	Võ Thị Thùy	Linh	04/11/2005	Đắk Lắk	32TYC3	8.7	5.8	Đạt	
35	28203050736	Trần Thị	Loan	30/04/2004	Gia Lai	32TYC5	7.3	6.5	Đạt	
36	28217304411	Lê Gia	Lộc	21/09/2004	Phú Yên	32TYC5	8.0	6.8	Đạt	
37	28213606910	Nguyễn Nam	Long	26/01/2004	Hồ Chí Minh	32TSC4	6.0	5.0	Đạt	
38	29206525885	Hoàng Thị	Lương	21/04/2005	Nghệ An	32TYC5	6.3	6.0	Đạt	
39	30206554623	Cao Ngọc Quỳnh	My	15/07/2006	Đắk Lắk	32TSC4	7.0	8.5	Đạt	
40	30204341442	Nguyễn Thị Bảo	My	06/02/2006	Đà Nẵng	32TSC4	9.3	5.5	Đạt	
41	27215339035	Dương Quốc	Nam	24/11/2003	Hà Tĩnh	32TSC4	9.7	7.3	Đạt	
42	28206550546	Lê Nhật Quỳnh	Nga	08/03/2004	Quảng Nam	32TSC4	5.7	4.0	Không Đạt	
43	27202700806	Lê Thị Kim	Ngân	04/07/2003	Đà Nẵng	32TSC4	4.3	5.3	Không Đạt	
44	27211201896	Ngô Tấn	Ngân	01/06/2003	Đà Nẵng	31TSC9	7.7	V	Không Đạt	
45	30206526070	Ngô Thị Hồng	Ngân	16/03/2005	Quảng Nam	32TSC4	8.0	6.5	Đạt	
46	28207345505	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	25/08/2004	Đà Nẵng	32TYC5	10.0	5.3	Đạt	
47	27215301001	Phan Cao Hồng	Nghĩa	25/09/2003	Gia Lai	32TSC4	8.3	10.0	Đạt	
48	28207302699	Phan Ca Bảo	Ngọc	07/05/2004	Lâm Đồng	32TYC5	9.7	7.8	Đạt	
49	29202823158	Trần Hồ Thảo	Ngọc	22/06/2005	Quảng Bình	32CSC1	7.7	3.8	Không Đạt	
50	28202706472	Trần Thị Như	Ngọc	09/09/2004	Quảng Nam	32TYC5	9.7	9.5	Đạt	
51	27204335977	Đỗ An	Nguyên	19/09/2003	Hà Nội	32CBN1	5.7	0.0	Không Đạt	
52	29209426181	Hoàng Thị Thanh	Nhân	26/11/2005	Quảng Bình	32CSC1	7.7	3.3	Không Đạt	
53	29208149303	Lữ Thị Kiều	Nhi	28/12/2005	Quảng Nam	32TYC5	3.7	5.0	Không Đạt	
54	29208156162	Nguy Như Yến	Nhi	07/10/2005	Quảng Nam	32TSC4	9.0	6.5	Đạt	
55	29206663895	Nguyễn Bảo	Nhi	22/06/2005	Bình Định	32CBN2	7.3	5.0	Đạt	
56	28202720580	Phan Đỗ Ngọc	Nhi	17/02/2004	Quảng Trị	32TYC5	8.3	6.0	Đạt	
57	30208034279	Tu Phan Phương	Nhi	27/10/2006	Đà Nẵng	32TSC4	8.3	5.3	Đạt	
58	29206664408	Lê Phạm Tổ	Như	09/08/2005	Gia Lai	32TSC1	7.3	7.5	Đạt	
59	30208054164	Hứa Thị Tuyết	Nhung	31/07/2006	Đà Nẵng	32TSC4	9.3	9.3	Đạt	
60	29208139335	Trần Ngô Quỳnh	Nhung	27/09/2005	Quảng Nam	32TSC4	10.0	6.5	Đạt	
61	28206250884	Lê Hoàng	Ny	10/12/2004	Đà Nẵng	32TBN3	8.7	3.3	Không Đạt	
62	29208147330	Trương Thị Kim	Oanh	11/01/2005	Quảng Bình	32TSC4	5.7	3.8	Không Đạt	
63	29218137583	Nguyễn Thanh	Phong	06/07/2005	Bình Định	32TYC5	9.7	4.3	Không Đạt	
64	28212706839	Nguyễn Thành	Phú	31/10/2004	Quảng Ngãi	32TYC5	9.0	7.8	Đạt	
65	30204927137	Đào Thị Thu	Phương	30/01/2006	Đà Nẵng	32TYC5	4.3	2.5	Không Đạt	
66	27215335926	Võ Trọng	Phương	02/03/2003	Bình Thuận	32TYC5	9.0	7.8	Đạt	
67	28211132691	Hoàng Hồng	Quân	12/05/2004	Đà Nẵng	32TSC4	8.3	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28217350661	Lê Thảo	Quyên	13/10/2004	Thừa Thiên H	32TYC5	9.7	9.3	Đạt	
69	28209349962	Trần Hiếu	Quyên	22/05/2004	Quảng Ngãi	31SBN8	4.3	3.5	Không Đạt	
70	27201252742	Phan Tấn	Sang	03/01/2003	Thừa Thiên H	32TSC5	8.3	8.0	Đạt	
71	30206564483	Lê Thị	Soa	03/03/2006	Hà Tĩnh	32TSC4	8.7	5.8	Đạt	
72	28217450717	Phạm Tấn	Sơn	19/04/2004	Quảng Ngãi	32TSC5	7.3	7.8	Đạt	
73	28208002418	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	26/04/2004	Gia Lai	31TBN18	10.0	3.5	Không Đạt	
74	28206551876	Nguyễn Thị Phương	Thanh	26/11/2004	Quảng Nam	32TSC4	7.0	1.8	Không Đạt	
75	28218026488	Đặng Đức	Thành	19/04/2004	Đà Nẵng	32TSC4	6.7	5.0	Đạt	
76	29206544490	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/03/2005	Quảng Trị	32TYC5	7.7	4.0	Không Đạt	
77	30206924551	Nguyễn Hồ Ái	Thị	25/05/2006	Đà Nẵng	32TSC4	8.0	7.8	Đạt	
78	27212201494	Lê Phạm Xuân	Thông	23/03/2003	Thừa Thiên H	30TSC10	5.3	V	Không Đạt	
79	25217104296	Phan Quốc	Thông	07/02/2001	Đà Nẵng	32SHT3	6.0	6.5	Đạt	
80	28202706236	Nguyễn Thị Lệ	Thu	04/06/2004	Quảng Trị	32TYC5	10.0	7.8	Đạt	
81	27214200739	Hắc Minh	Thư	15/04/2003	Đà Nẵng	31SSC6	6.0	5.8	Đạt	
82	29208425123	Phạm Thị Thanh	Thương	07/07/2005	Đà Nẵng	32TYC5	9.3	6.5	Đạt	
83	30208222142	Trần Khả	Tiên	21/04/2006	Gia Lai	32TSC5	9.7	9.0	Đạt	
84	27205326690	Nguyễn Nhất	Tĩnh	17/01/2003	Bình Định	32TSC4	9.0	9.0	Đạt	
85	27215441442	Nguyễn Trần Hữu	Toàn	29/09/2003	Quảng Nam	32TYC5	9.3	9.5	Đạt	
86	29206552579	Nguyễn Thị Tú	Trâm	31/12/2005	Đà Nẵng	32TYC5	7.7	6.0	Đạt	
87	25211715864	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/02/2001	Đà Nẵng	28TSC7	5.7	5.8	Đạt	
88	28217354420	Đoàn Anh	Tuấn	10/02/2004	Quảng Nam	32TSC4	8.0	8.3	Đạt	
89	30206520745	Lê Bích	Vân	26/04/2006	Đắk Lắk	32TSC4	7.0	5.0	Đạt	
90	30204629100	Phan Thị Thảo	Vi	26/08/2005	Đà Nẵng	32TYC5	10.0	8.5	Đạt	
91	28212351061	Ngô Hùng	Vĩ	29/03/2004	Quảng Nam	32TSC4	8.3	7.0	Đạt	
92	28219349974	Hoàng Nhật	Việt	21/08/2004	Quảng Trị	32TYC5	7.0	6.0	Đạt	
93	28217353524	Lê Công	Vinh	09/08/2004	Bình Phước	32TSC4	8.7	9.5	Đạt	
94	28204351850	Lê Thị Bích	Vy	17/04/2004	Đà Nẵng	32THT4	10.0	7.3	Đạt	
95	28206604295	Lưu Khánh	Vy	15/12/2004	Đà Nẵng	31TYC6	5.0	5.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh